



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publié par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Alhis-Mons, France

Directeur de publication: Bùi Quang Hiếu

Vấn đề trong tháng

Việt Nam đang đối trong một thế giới đầy triển vọng

Thập niên 80 sẽ được đời sau nhắc đến như một thập niên đánh dấu những bước nhảy vọt về nhiều mặt của nhân loại để vượt qua ngưỡng cửa thế kỷ thứ 21. Bước phát triển ấy dĩ nhiên đã thực hiện được nhờ nhiều tích lũy từ trước nhưng đã chỉ bắt đầu một cách ngoạn mục với khẩu hiệu "nước Mỹ đã phục hồi" được đưa ra trong cuộc tranh cử của tổng thống Reagan năm 1980. Ý chí phục hồi sức mạnh, nhất là về mặt tinh thần của nước Mỹ sau cuộc tháo chạy ở Việt Nam đã đưa tới cuộc phân chia lại các khu vực ảnh hưởng trên

thế giới, và việc thiết lập một trật tự mới cho nhân loại đã mau lẹ đổi mới vì chịu ảnh hưởng sâu đậm của khoa học. Do đó có sự bảo đảm rằng ít ra trong khoảng thời gian vài ba chục năm trước mắt cuộc chiến tranh thứ ba - một lúc tưởng đã sẵn sàng bùng nổ - sẽ không bùng nổ vì hòa hoãn có lợi cho các cường quốc hơn là tàn sát lẫn nhau, dù trực tiếp hay gián tiếp.

Nước Mỹ đã từ bỏ chủ trương "đập đập be bờ", chặn không cho cộng sản đột nhập thế giới tự do. Nga cũng thôi tuân "ba giòng thác cách mạng" dùng chiến tranh giải phóng và xáo trộn xã hội để xuất cảng cách mạng xã hội chủ nghĩa, hình thành một đế quốc đỏ dưới bóng cờ Mạc Tư Khoa.

Như vậy, chẳng những sẽ không có chiến tranh nguyên tử toàn diện hay chiến tranh giải phóng cục bộ mà ngay cả chiến tranh lạnh nữa. Cuộc họp thượng đỉnh Nga Mỹ tại Mạc Tư Khoa đầu tháng 6 này - cuộc họp thứ tư trong thập niên 80 - phải được coi như một hình thức cả hai bên công khai mở đầu cho một giai đoạn hưu chiến mới.

Đó là ý nghĩa của những cuộc thương thuyết giảm vũ khí, những cuộc hòa đàm giải quyết tranh chấp địa phương ở châu Phi, châu Á và châu Mỹ La Tinh, nghĩa là những nơi mà khối cộng sản đã lợi dụng thời cơ để lấn chiếm đất đai, cướp đoạt quyền hành. Đó là nguyên nhân tại sao Nga phải triệt thoái quân đội tại A Phú Hãn, Việt cộng phải chuẩn bị rời khỏi Lào và Cam-Bốt, các chính quyền thân cộng tại Nicaragua, Angola phải thương thuyết với các phe kháng chiến võ trang Contra, Unita... Không cần phải lo sợ rằng đó chỉ là những bước lùi giả trá của cộng sản. Hãy nhìn vào nội tình của cộng sản từ nước đầu đàn cho

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

Việt Nam đang đối trong một thế giới đầy triển vọng

Thông Luận

3. Vì đất nước hôm nay và ngày mai:

Việt Nam và chủ nghĩa nước nhỏ

Hoàng Xuân Đài

7. Phiếm luận:

Hồi ký !

Hoàng Linh

8. Ý kiến:

Biểu tượng là sức sống lịch sử

Phan Phúc Vinh

9. Xuân tàn ác

Đinh Vĩnh Phúc

11. Thời sự tin tức

15. Thư độc giả

16. Số tay

Vay mượn của người

Thụy Khuê

đến nước chư hầu mà sự sa sút về kinh tế, xã hội, sự lạc hậu về văn hóa là những chỉ dấu cho thấy việc theo đuổi chiến tranh cần chấm dứt càng sớm càng hay.

Tình hình mới ấy đã mở ra những triển vọng mới để những nước đã hay đang sa lầy trong chiến tranh có cơ hội lập lại hòa bình và phục hưng xứ sở.

Chiến tranh ở đây phải được hiểu theo nghĩa rộng của danh từ, nghĩa là bao gồm cả nội chiến vì tranh chấp ý thức hệ. Hậu quả của nội chiến cũng không thua kém gì chiến tranh với ngoại bang. Kinh tế miền Bắc Việt Nam đã kiệt quệ vì bom Mỹ, nhưng kinh tế miền Nam Việt Nam cũng không phát triển được vì bị cộng sản phá hoại.

Việt Nam là một nước mà sự phục hưng không thể trì hoãn lâu hơn nữa. Việt Nam đang đói lớn. Nạn đói, không phải do thiên tai mà xuất phát từ bản chất chế độ cộng sản, đã thực sự xuất hiện và đang lan tràn tới một qui mô rất đáng lo ngại.

Vấn đề là người Việt Nam sẽ khai thác như thế nào, để trước hết đưa đất nước mình ra khỏi thảm họa của một năm Ất Dậu thứ hai(*) và sau đó cứu dân tộc ra khỏi một sự suy tàn mà những di hại có thể sẽ tồn tại rất lâu đời. Nhưng trở ngại lớn nhất để làm công việc này lại chính là Đảng Cộng Sản Việt Nam với một chủ nghĩa chỉ đạo lỗi thời, với một nhân sự chính trị bất lực và tham nhũng chưa từng có trong lịch sử nước này. Thêm vào đó lại còn có ý định rõ rệt của một thiểu số lãnh đạo cộng sản nhất quyết bằng mọi giá bám lấy chính quyền, thi hành những mưu mẹo sửa sai cải tổ vá vúi hồng duy trì nguyên vẹn nền chuyên chính bạo ngược.

Khoanh tay chờ đợi thiểu số đó tỉnh ngộ chỉ là một hy vọng hảo huyền. Sự tỉnh ngộ đó có lẽ sẽ không bao giờ đến. Mù quáng và lì lợm là hai hằng số của nhân sự chính trị cộng sản.

Nhưng muốn khỏi phải chờ đợi ở cái hy vọng hảo huyền ấy thì phải có bản lĩnh để chủ động. Nghĩa là phải có một dự án chính trị và một nhân sự chính trị cho phép ta có tư cách và khả năng đòi lại nơi tay cộng sản quyền quản trị quốc gia, để rồi lập lại được hòa bình thực sự trong nước, giao hảo được với các nước láng giềng, giải thoát được đồng bào khỏi hỗn loạn và đói khổ.

Như vậy mới mong khai thác được không khí hòa dịu quốc tế đang nhất thời diễn ra, để làm lại lịch sử cho đất nước, đoạn tuyệt với những sai lầm quá trầm trọng của mấy chục năm đảng tranh

quốc cộng, hao người tốn của, khiến đất nước lâm vào cảnh khốn cùng hiện nay.

Những người không cộng sản bởi thế càng phải tỉnh ngộ sớm hơn cộng sản, không phải để trở lại vòng lẩn quẩn của hận thù "được làm vua, thua làm giặc" mà để mở ra một vận hội mới cho dân tộc. Vận hội đó lẽ ra đã được mở từ trước đây, những năm 1945, 1954. Cùng đi một chuyến tàu lịch sử mà Nam Hàn, Mã Lai, Đài Loan nay đã tới được chặng đường của những nước đã phát triển kỹ nghệ. Chỉ có Việt Nam bị trễ tàu, đã rớt lại sau một cách thảm hại. Trách nhiệm đã đành phải qui cho cộng sản mà chủ trương độc chiếm quyền hành đã gây nên nội loạn nhưng cũng phải qui cho những người không cộng sản mà sự bất lực đã kéo dài và trầm trọng hóa nội loạn đó.

Những người không cộng sản cần một lần tỏ ra đủ trưởng thành để nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử.

Thông luận

(*) Năm 1945, tại miền Bắc hơn hai triệu người đã chết đói.

Thảm cảnh bán con đang lan tràn tại miền Bắc

Nạn đói chưa từng thấy tại miền Bắc từ 1945 đang thúc đẩy nhiều cha mẹ phải mang con đi bán. Tại khắp các thành phố miền Bắc rất nhiều người cùng khổ không còn lương thực để nuôi thân mình và con cái nữa. Công nhân viên tại Hà Nội không được mua gạo tiêu chuẩn từ tháng 2, gạo thị trường lên tới 1000đ/ký vào đầu tháng 5. Chính quyền đã báo động với dư luận quốc tế để cầu cứu. Đầu tháng 6 chính phủ Pháp gửi thực phẩm cứu trợ bằng đường thủy.

Chính quyền cố giấu nhem thảm cảnh chết đói, nhưng những tin tức nhận được cho biết đã có rất nhiều người chết đói tại miền Bắc, ngay cả tại thủ đô Hà Nội. Tỉnh chết đói nhiều nhất là Nghệ Tĩnh. Thảm trạng bán con là dấu hiệu hùng hồn chứng tỏ đã có chết đói.

Tại Hà Nội, trước ga Hàng Cỏ, chợ Đồng Xuân và các khu đông người qua lại, nhiều người mẹ đói rách đem bán những hài nhi vài tháng hay 1, 2 tuổi để đổi lấy vài ký gạo. Mục đích của những người mẹ khốn khổ này không phải là để kiếm vài ký gạo (một điều rất quý đối với họ), mà là để cứu lấy con mình khỏi chết đói vì không còn gì cho nó ăn nữa.

VIỆT NAM VÀ CHỦ NGHĨA NƯỚC NHỎ

Hoàng Xuân Đài

Hoàng Xuân Đài, 47 tuổi, là một kỹ sư và cũng là một người dành nhiều cố gắng và ưu tư cho những vấn đề của đất nước. Đã có mặt trong các cuộc đấu tranh vì tự do và dân chủ trong nước và tại hải ngoại.

Người ta hay nghe nói đến chủ nghĩa đại cường quốc Nga hay Mỹ và gần đây cựu tổng thống Pháp Giscard d'Estaing có đề cập đến chủ nghĩa "trung cường quốc" của Pháp chứ ít khi nghe đến chủ nghĩa nước nhỏ.

Chủ nghĩa đại cường quốc, theo sự hiểu biết thông thường là chủ nghĩa của một nước lớn về cả đất đai và dân số, có sức mạnh quân sự, kinh tế, tài chánh và kỹ nghệ để khuynh đảo mọi nơi trên thế giới.

Chủ nghĩa cường quốc hạng trung giới hạn sự có mặt trên một vài địa bàn mà nước đó có một tiềm lực khuynh đảo đưa đến những thắng lợi dễ dàng, ít tốn kém về nhân lực và tiền bạc.

Việt Nam là một nước có diện tích đất đai ít ỏi, dân trí còn kém, kinh tế chưa mở mang, tiềm lực kỹ nghệ hầu như không có, nghĩa là một nước nhỏ theo ngôn ngữ thông thường. Mọi người biết suy nghĩ đều đồng ý là trong hoàn cảnh đó, cần phải có một chính sách tạm gọi là "chủ nghĩa nước nhỏ" để có hy vọng thoát khỏi vòng ảnh hưởng của các thế lực ngoại bang và dồn tất cả nỗ lực đẩy mạnh chương trình mở mang dân trí, khuyến khích kinh tế và phát triển kỹ nghệ để đưa dân tộc ra khỏi vòng lẩn quẩn của nghèo đói, chậm tiến và chiến tranh.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam chúng ta thấy tiền nhân đã sáng suốt nhận định vấn đề và áp dụng một cách đúng đắn đường lối trên, trái lại những người lãnh đạo Việt Nam từ mấy chục năm gần đây đã đi ngược lại, với hậu quả đau đớn là sự nghèo đói và lạc hậu của đất nước Việt Nam hiện nay.

1- Cái khôn của người xưa

Ta có thể kể việc vua Lê Đại Hành đánh Tống và xin cầu hòa.

Quân Tống tràn qua đánh chiếm Việt Nam năm 981, đường bộ qua Lạng Sơn, đường biển vào sông Bạch Đằng. Vua Lê Đại Hành đánh tan quân bộ, cánh quân đường biển nghe tin hoảng sợ rút về.

Lê Đại Hành nghĩ mình là một nước nhỏ, nên tuy đại thắng vẫn cầu hòa với vua Tống và xin triều cống.

Vấn tiếp tục chính sách đó, vua Trần Nhân Tông và tướng Trần Quốc Tuấn sau khi đại thắng quân Mông Cổ cũng xin cầu hòa.

Trần Nhân Tông trị vì nước ta từ 1279 đến 1293, là một ông vua thông minh và quả quyết. Quân Mông Cổ, đội quân lừng danh của Thành Cát Tư Hãn, đội quân đã đánh bại và san bằng châu Âu, đội quân quen chiến thắng thần tốc đến độ mà khi chân ngựa đi qua "cỏ chưa kịp mọc đã quay về", hai lần xâm chiếm nước ta để hai lần đại bại. Ta đã chiến thắng quân Mông, một phần nhờ sự khôn ngoan của Trần Nhân Tông đã tạo ra thế đồng thuận quốc gia với hội nghị Diên Hồng, một phần nhờ tài dùng binh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Tuy đánh bại quân Nguyên hai lần vua Trần Nhân Tông vẫn sai sứ cầu hòa và trao trả lại những tướng Mông Cổ bị bắt sống. Nhân Tông quả thực đã khôn ngoan đi đúng đường lối đối ngoại của một nước nhỏ.

Hơn một thế kỷ sau, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đánh đuổi quân Minh giành độc lập rồi cũng giảng hòa.

Vào đầu thế kỷ thứ 15, quân Minh sau khi đánh đổ nhà Hồ và dẹp tan cuộc đề kháng Hậu Trần đã đặt nền đô hộ trên nước ta trong gần 20 năm. Lê Lợi và Nguyễn Trãi sau cuộc chiến tranh giải phóng gian khổ gần 10 năm đánh đuổi được quân Minh giết được Liễu Thăng, Lương Minh, bắt sống được Hoàng Phúc, Thôi Tự.

Tuy vậy, sau khi thắng được quân Minh, Lê Thái Tổ vẫn sai sứ sang triều cống và xin đúc người vàng đền mạng Liễu Thăng, Lương Minh để cầu hòa. Đó là sự sáng suốt của một vị minh quân biết áp dụng "chủ nghĩa nước nhỏ" để dồn hết nỗ lực quốc gia vào việc xây dựng đất nước sau những năm dài chinh chiến.

2- Cái đại của Ngô Đình Diệm và các chính quyền quốc gia kế tiếp.

Năm 1954, sau hiệp định Genève chia đất nước làm hai, Pháp rút khỏi bán đảo Đông Dương và người Mỹ nhảy vào thay thế. Ông Ngô Đình Diệm với sự ủng hộ của Hoa Kỳ lên nắm chính quyền tại miền Nam.

⇒ Việt Nam và chủ nghĩa nước nhỏ

Trong những năm đầu, chính phủ Ngô Đình Diệm đã đạt được nhiều thành tựu như định cư gần một triệu đồng bào di cư từ Bắc vào Nam, đánh bật được đám tàn dư của thực dân Pháp như Nguyễn Văn Hinh, tổng tham mưu trưởng quân đội quốc gia, người được coi như là con cưng của Pháp, cùng với một số tướng tá trung thành với mẫu quốc. Chính phủ Ngô Đình Diệm cũng đã đánh tan những đám giặc cướp Bảy Viễn, Ba Cụt, Năm Lửa và dẹp bỏ các sòng bài và các nhà chứa đã hủy hoại tinh thần và thể xác không biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam.

Nhưng sau đó ông Diệm đã đưa miền Nam đến sụp đổ vì đã tự cho mình sứ mạng của một tiền đồn chống cộng của thế giới tự do, đi đúng theo chủ trương bao vây Trung Quốc của chính phủ Mỹ lúc bấy giờ. Ngô Đình Diệm đã làm lơ trước những dấu hiệu làm thân rất rõ rệt của Trung Quốc: thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã từng ngỏ ý với đại sứ Ngô Đình Luyện, em ruột của tổng thống Ngô Đình Diệm, ý muốn thiết lập quan hệ với miền Nam.

Nếu tổng thống Ngô Đình Diệm, sau khi đã thu hồi chủ quyền từ tay người Pháp, biết đoàn kết với các đảng phái quốc gia đã từng có thành tích đấu tranh giành độc lập như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt ... để tạo một hậu thuẫn quốc dân vững chắc thì có lẽ ông đã có thể lần lần thoát khỏi sự kiểm tỏa của người Mỹ và đã có thể thỏa thuận được với Trung Quốc. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã có thể có một số phận khác. Chính vì tự coi là một tiền đồn của thế giới tự do mà chính quyền Ngô Đình Diệm đã trở thành con tin của Mỹ và đã bị người Mỹ bóp chết vào lúc họ thấy ông Diệm không còn được việc nữa.

Các tướng tá cầm quyền sau này vẫn tiếp tục coi miền Nam là một công cụ của thế giới tự do - nghĩa là của Mỹ - cho nên miền Nam đã sụp đổ nhanh chóng khi bị Mỹ bỏ rơi.

Nước Mỹ, cũng như bất cứ một siêu cường nào, chỉ ủng hộ khi thấy sự ủng hộ ấy là cần thiết cho một chính sách nào của họ. Vào những thập niên 50, 60, chính sách "chiến tranh lạnh" của người Mỹ là ngăn chặn sự bành trướng của khối cộng sản nói chung và của Trung Quốc nói riêng trong vùng Đông Nam Á, tránh sự sụp đổ của những con "domino" trong vùng như Lào, Cam Bốt, Mã Lai, Thái Lan, Singapor... Vào thời điểm 1954, tổ chức liên phòng Đông Nam Á chưa ra đời, nếu Liên Xô và Trung Quốc có mũi nhọn tiến công là Bắc Việt thì Hoa Kỳ cũng cần có một tiền đồn để chống đỡ.

Nhưng sau đó chiến lược của Hoa Kỳ đã thay đổi. Xung đột trầm trọng giữa Liên Xô và Trung Quốc đã tạo điều kiện cho Hoa Kỳ bắt tay với

Trung Quốc tạo thành một thế chân vạc mới. Miền Nam không còn là một tiền đồn tối cần thiết nữa. Cuộc gặp gỡ lịch sử giữa Nixon và Mao Trạch Đông là bước đầu dẫn đến hiệp định Paris cho phép người Mỹ rút khỏi Việt Nam trong "danh dự".

3. Cái đại của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh, khi theo đảng cộng sản Nga làm thông ngôn cho phái đoàn cố vấn Borodine ở Quảng Châu đã từng rêu rao với các cụ Nguyễn Hải Thần, Phan Bội Châu là Liên Xô lập một hội gọi là "Toàn thế giới nhược tiểu dân tộc liên hiệp hội" để chống lại thực dân tư bản đế quốc và khuyến các đảng phái cách mạng chống Pháp thời bấy giờ nên gia nhập vào hội đó để nhờ Nga giúp đỡ.

Ngày 9-3-1945, Nhật lật đổ chính quyền Pháp, chiếm Đông Dương. Hồ Chí Minh sau khi thành lập mặt trận Việt Minh, đã có cơ hội, qua sự trung gian của cụ Nguyễn Hải Thần, liên lạc được với tình báo và lực lượng quân sự Mỹ tại Trung Hoa đang cùng Tưởng Giới Thạch chống lại Nhật. Theo "Tài Liệu Tham Khảo lịch Sử Cách Mạng Cận Đại Việt Nam" của Trần Huy Liệu và Văn Cao thì đã nhiều lần phi cơ Mỹ rải truyền đơn kêu gọi nhân dân trong nước ủng hộ Việt Minh và đứng lên chống Nhật. Nhờ vậy Hồ Chí Minh đã nắm được cơ hội khi Nhật đầu hàng.

Ngày 19-8-1945, mặt trận Việt Minh chiếm chính quyền tại Hà Nội. Một tuần sau, Bảo Đại tuyên chiếu thoái vị và Hồ Chí Minh thành lập Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Ngày 19-12-1946, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ và từ đó bắt đầu cuộc trường kỳ kháng chiến chống Pháp. Việt Minh đã khôn khéo đốt ngọn lửa yêu nước của thanh niên thời thập niên 40, và sau bao năm hy sinh xương máu đã đi đến chiến thắng Điện Biên Phủ và hiệp định Genève.

Đất nước bị chia đôi và lòng người Việt Nam cũng thật sự chia làm hai phe chấp nhận và không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản. Nếu Hồ Chí Minh chỉ lý luận như một người Việt Nam yêu nước, có thể ông đã ý thức được sự nhỏ bé và những đở vỡ của đất nước. Ông đã có thể có một chính sách khác. Nhưng Hồ Chí Minh chỉ nhìn thấy vai trò của Việt Nam như là một thành tố của một sự nghiệp quốc tế vĩ đại: thực hiện cuộc cách mạng vô sản trên toàn thế giới.

Tháng 12-1960 tại đại hội 3 của đảng Cộng Sản Việt Nam (lúc đó còn mang tên là đảng Lao Động) Hồ Chí Minh tuyên bố "cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam nằm trong khuôn khổ cuộc đấu tranh của vô sản thế giới do Liên Xô lãnh đạo" và cho ra đời " Mặt Trận Dân Tộc Giải

Phóng Miền Nam" để làm bình phong cho ý đồ mở rộng ảnh hưởng của khối Xô Viết về phía nam, mở đầu một cuộc nội chiến khốc liệt kéo dài 15 năm với cái kết quả là sự áp đặt trên toàn cõi Việt Nam chế độ cộng sản hà khắc giáo điều theo "đúng" đường lối của một chủ nghĩa cộng sản mà chính Trung quốc cũng đã chối từ và ngay cả Liên Xô cũng đang bắt đầu tìm cách thoát ra.

Kết quả là đất nước Việt Nam tuy hết chiến tranh và đã thống nhất, nhưng dân Việt Nam càng ngày càng đói khổ, thanh niên Việt Nam vẫn phải đi làm "nghĩa vụ quốc tế" của "người lính tiên phong Xã Hội Chủ Nghĩa" tại mặt trận Cam Bốt. Bao nhiêu nước giàu mạnh trên thế giới đều ngoảnh mặt đi, mặc dầu họ rất muốn giúp đỡ kinh tế và kỹ thuật cho Việt Nam khi họ đặt bút ký hiệp định Paris.

Nếu Việt Nam có một chính sách sáng suốt và khiêm nhường của một nước nhỏ, tách ra khỏi vòng kiềm tỏa của các quyền lực quốc tế thì nước Việt Nam chắc chắn đã tránh được một cuộc chiến tranh đẫm máu và có lẽ đã đi được một đoạn đường dài trong cuộc chạy đua về tương lai. Chắc chắn Việt Nam đã có chỗ đứng vinh quang hơn nhiều.

4- Các nét chính của Chủ Nghĩa Nước Nhỏ.

Như chúng ta đã thấy ở trên, Việt Nam phải tránh dẫm vào thế "tiền đồn của thế giới tự do", cũng như "người lính tiên phong của chủ nghĩa xã hội" để dồn tất cả nỗ lực vào việc phát triển đất nước.

Trong giới hạn của bài viết, Chủ Nghĩa Nước Nhỏ sẽ được lần lượt xét trên bốn địa hạt: chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao. Chúng tôi chỉ đề cập đến những nét chính mà thôi, nếu muốn đào sâu vấn đề và đi vào chi tiết có lẽ phải cần đến một cuốn sách vài trăm trang.

*** Về mặt chính trị, điều kiện không có không được của Chủ Nghĩa Nước Nhỏ là một căn bản đồng thuận quốc gia.**

Trước tiên phải gạt bỏ các chủ thuyết giáo điều để đi theo con đường dân tộc. Dân tộc phải được hiểu theo tinh thần rộng rãi. Dân tộc Việt không có nghĩa chặt hẹp là "Con Rồng Cháu Tiên", cũng không phải chỉ gồm người Kinh người Thượng, mà phải bao gồm các sắc tộc khác: Chăm, Cam Bốt, và Trung Hoa đã sanh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong bước đường nam tiến mở rộng bờ cõi, không ít thì nhiều các giòng máu Chăm, Cam-Bốt, Trung Hoa đã pha trộn vào giòng máu Việt. Một số lớn người Việt Nam gốc Trung Hoa tại miền Nam là con cháu các quan tướng nhà Minh, sau

khi nhà Minh bị dân Mãn Châu tiêu diệt và thay thế bằng triều đại Mãn Thanh, đã di dân bằng đường biển (bấy giờ vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh cũng đã có Boat People!) tới miền Nam Việt Nam. Đặc biệt là Mạc Cửu, và con là Mạc Thiên Tứ, đã thiết lập được một tiểu giang sơn tại Hà Tiên.

Những Chế Bồng Nga, Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ... phải được liệt vào danh sách anh hùng nước Việt.

Một tinh thần dân tộc mới như vậy, kết hợp với một cơ sở tư tưởng đúng đắn có thể giúp chúng ta đạt tới một đồng thuận quốc gia trong cố gắng dựng nước mà ta nhất định phải có. Chỉ có một đồng thuận quốc gia này mới giúp ta tránh khỏi sự lôi kéo của các chủ nghĩa và các thế lực quốc tế.

Không có một cơ sở tư tưởng đặc thù cho dân tộc thì không thể nào tránh khỏi những chia rẽ và phân hóa, rồi cuộc chỉ làm miếng mồi ngon cho những lời kéo và khuynh loát từ bên ngoài. Muốn theo đuổi chủ nghĩa nước nhỏ như vậy cần một trí tuệ rất lớn.

*** Nền kinh tế của chủ nghĩa nước nhỏ chủ yếu là thực nghiệm và tiết kiệm tối đa.**

Mục tiêu tối hậu của nền kinh tế "chủ nghĩa nước nhỏ" là cơm no áo ấm cho mọi người, làm tăng thêm mức thu hoạch quốc dân, chứ không phải để chứng minh sự siêu việt của bất cứ một thứ triết học nào.

Kinh tế phải tự do để kích thích tinh thần kinh doanh và để thu hút đầu tư quốc tế, nhưng trong các ngành quan trọng liên hệ đến chủ quyền quốc gia chắc chắn phải có sự kiểm soát tối thiểu.

Để tránh những bệnh hoạn về mặt xã hội mà một sự buông thả quá trớn có thể đem lại, ưu tư hàng đầu của nhà nước là phải, bằng một kế hoạch đúng đắn và những luật lệ rõ ràng, bảo đảm nhân phẩm, quyền lợi và hy vọng tiến lên của những người kém thế.

Tóm lại điều quan trọng là đi đến thế quân bình giữa tự do kinh doanh và kế hoạch hóa, đó cũng là điểm khó khăn vô cùng, chỉ có thể thành công bằng một đường lối uyển chuyển.

Ngoài ra chằm ngôn của chính sách kinh tế tài chánh là tiết kiệm triệt để, chẳng hạn:

- Không xây đền đài, dinh thự, lăng, tượng vĩ nhân.

- Không đặt cơ sở ngoại giao ở những nước không cần thiết.

- Không tham dự các hội nghị và các liên minh quốc tế không cần thiết. Ở điểm này chủ nghĩa nước nhỏ khác với các chủ nghĩa trung lập, không liên kết, v...v...

- Không làm những công trình lớn ngoạn mục. ⇨

⇒ Việt Nam và chủ nghĩa nước nhỏ

nặng phần phổ trương.

- Không đầu tư vào các ngành khoa học cơ bản (vật lý nguyên tử, kỹ nghệ không gian...).

*** Về mặt quốc phòng, nét đặc thù của chủ nghĩa nước nhỏ là không dựa vào vũ lực.**

Quân lực chỉ để bảo vệ an ninh quốc gia chứ không có tham vọng bành trướng nên chỉ giới hạn ở một mức tối thiểu.

Bộ máy công an có thể là phải bỏ hẳn, thay thế bằng cảnh sát để giữ trật tự xã hội.

Ta cũng nên ý thức là trong thế giới ngày nay vấn đề nước này đem quân đánh chiếm nước kia là điều khó còn xảy ra nữa. Nhân loại đã tiến đến một mức độ văn minh đủ để bảo đảm an ninh cho những dân tộc hòa thuận với nhau. De dọa đối với đất nước không đến từ bên ngoài mà xuất phát từ bên trong. Chia rẽ và phân hóa bao giờ cũng là hạt giống cho những can thiệp của ngoại bang.

Như vậy sách lược quốc phòng hay nhất là một chính sách đoàn kết dân tộc cho phép mọi người nhìn thấy được chỗ đứng xứng đáng của mình. Khi không còn ai cảm thấy bị khai trừ khỏi sinh hoạt đất nước là không còn mầm mống nội loạn, và khi đã không có mầm mống nội loạn thì cũng không còn cơ nguy bị xâm lăng. Quan niệm quốc phòng của chủ nghĩa nước nhỏ là như vậy. Cho rằng phải duy trì một đạo quân khổng lồ để phòng ngoại xâm như đảng Cộng Sản Việt Nam đang làm là một quan niệm lỗi thời và một sai lầm lớn.

*** Ngoại giao cũng là địa hạt quyết định sự thành bại của chủ nghĩa nước nhỏ.**

Việt Nam có một vị trí vô cùng quan trọng đối với ba cường quốc trong thế "chân vạc" quốc tế: Liên Xô, Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Liên Xô vì không có hải cảng ở miền Nam Thái Bình Dương, nên muốn thiết lập ở Việt Nam những căn cứ quân sự để dễ dàng tiếp vận lực lượng hải quân hoạt động trong vùng biển này.

Hoa Kỳ đã thất bại, nhưng chắc chắn không phải đã hết chú ý đến Việt Nam. Nhất là hiện nay đang có sự di chuyển các trung tâm kinh tế và kỹ thuật về vùng Thái Bình Dương.

Trung Quốc bị áp lực của Liên Xô ở phía bắc và phía tây không thể nào chấp nhận để Liên Xô củng cố áp lực ở phía nam, thành một thế bao vây nguy hiểm cho an ninh của họ.

Trong tình huống đó, Việt Nam không được phép xung đột với một ai trong ba cường quốc nói trên bởi vì xung khắc với bất cứ siêu cường nào cũng là một đe dọa cho an ninh của chúng ta và cũng làm mất đi cho ta nhiều liên hệ khoa học, kỹ thuật, thương mại. Một nước nhỏ muốn phát triển

được cũng luôn luôn cần đến những nước lớn. Họ có thể là nguồn cung cấp viện trợ và kiến thức, và cũng có thể là những thị trường quan trọng.

Muốn giữ được độc lập và đạt được giao hảo tốt với mọi thế lực quốc tế, tốt nhất là tránh lấy thái độ trong những xung đột quốc tế, trừ khi là những vấn đề đụng chạm đến những giá trị và những nguyên tắc trên đó không thể có sự dè dặt, chẳng hạn như tệ kỳ thị màu da tại Nam Phi.

Không ai trách một nước nghèo yếu lơ là với các vấn đề thế giới, không ai bắt buộc một nước lạc hậu phải đóng vai thẩm phán quốc tế. Mục tiêu duy nhất của chính sách ngoại giao nước nhỏ là được yên thân để phát triển và có được những khách hàng cho sản phẩm của mình.

Điều đó không có nghĩa là bắt buộc phải đi theo đường lối trung lập. Chúng ta sẽ không làm như ông hoàng Sihanouk, tổng thống Tito, Nasser, Sukarno, chủ trương trung lập để dẫn đầu khối gọi là không liên kết và để được đóng một vai trò quốc tế. Chúng ta không muốn đóng một vai trò quốc tế nào hết. Nếu chúng ta liên minh với các nước nhỏ thì cũng không ngoài mục đích một mặt để tìm thêm bảo đảm cho chủ quyền đất nước, và mặt khác để tìm những mối quan hệ thương mại.

Về điểm này chúng ta có nhiều lợi điểm đáng kể. Chúng ta có rất nhiều chuyên viên và kỹ thuật gia, nhất là trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại, đã và đang làm việc tại các nước châu Phi, châu A. Họ rất được cảm tình vì khả năng cũng có mà cũng vì các đức tính nhã nhặn, khiêm nhường, tận tụy. Họ có thể là những đầu cầu để ta liên minh với các nước nhỏ, một lợi khí vô cùng quý báu mà ta cần khai thác đến mức tối đa, để làm chỗ dựa cho chính sách ngoại giao của chủ nghĩa nước nhỏ.

Bốn chính sách chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao kể trên có tương quan chặt chẽ mỗi hở răng lạnh. Xét riêng từng chính sách một và tách lẻ ra thì vô cùng yếu, nhưng kết hợp bốn chính sách đó thành thế liên hoàn, "chủ nghĩa nước nhỏ" sẽ có sức mạnh ngàn cân.

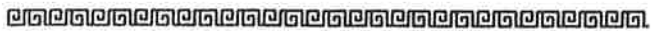
Đối với các quốc gia thực sự bé nhỏ như Lào, Cam-Bốt, Singapour, chủ nghĩa nước nhỏ có thể là một chính sách vĩnh viễn.

Đối với Việt Nam, một nước với 63 triệu dân và có lẽ sẽ lên đến 85 triệu vào năm 2000, với vị trí rất chiến lược, nằm ngay sát các trục giao thông quan trọng và ngay giữa một vùng được coi như trọng tâm tương lai của thế giới trong thế kỷ 21, chủ nghĩa nước nhỏ có thể chỉ là chủ nghĩa của một vài thập niên.

Sau đó, sẽ cần có một chủ nghĩa khác.

Hoàng Xuân Đài

Biểu tượng là sức sống lịch sử



Phan Phúc Vinh

LTS. Ngay từ khi mới xảy ra cuộc tranh cãi về quốc ca, Thông Luận đã bày tỏ lập trường rằng đây là một vấn đề đặt ra không đúng nơi đúng lúc và không cần thiết. Nhưng trong bài này tiến sĩ Phan Phúc Vinh hình như muốn đặt một vấn đề có tính cách văn hóa : tương quan giữa tác phẩm, tác giả, và người đón nhận tác phẩm. Thông Luận cũng sẵn sàng dành quyền phát biểu cho những ý kiến khác.

Theo dõi cuộc tranh luận gần đây của một số trí thức miền Nam chung quanh đề tài "quốc ca Việt Nam", tôi đã phải trải qua nhiều giây phút bàng hoàng và ngao ngán trước những lập luận và phân tích của quý vị đó.

Trước hết tôi xin minh định rằng hai chữ "miền Nam" ở trên chỉ dùng để nhận diện một phong thái suy tư, một lối phản ứng trước một loạt diễn biến lịch sử trong thời kỳ cận đại chứ không hàm chứa bất cứ ý nghĩ nào khác.

Tôi là một người ít viết lách, vốn có ý định không viết gì cả. Nhưng lý do để không viết của tôi không giống cái lý do của ông Nguyễn Ngọc Bích, nghĩa là sợ bị ngộ nhận (Người Việt số 1144 ra ngày 21-01-1988). Vấn đề của tôi là cái tính văn hóa của sinh hoạt chánh trị trong hàng ngũ trí thức tại hải ngoại thật đáng thất vọng, điều mà nhân dịp này tôi xin đưa ra vài dẫn chứng.

Ngày hôm nay, khi mà những biểu tượng thiêng liêng nhất của con người được đưa ra để xét lại, vào giữa lúc cuộc đấu tranh cứu nước còn đang dở và ngang ngửa thì quả thực mạch tư tưởng của hàng ngũ trí thức Việt Nam hải ngoại, vốn đã bế tắc lại còn đang bộc lộ những ngộ nhận văn hóa rất trầm trọng.

Điều phi văn hóa đầu tiên là sự kiện đòi truy nguyên xem bài "Tiếng Gọi Thanh Niên" có phải do một người cộng sản sáng tác hay không.

Bài "Tiếng Gọi Thanh Niên" là một sáng tác nghệ thuật và chính vì thế, ngay từ khi lọt lòng, nó đã có một sự sống độc lập trong chức năng nghệ thuật của nó. Nói đến chức năng nghệ thuật của tác phẩm tức là phải phủ nhận mọi tìm kiếm "cộng sản" hay "quốc gia" trong tác phẩm đó. Dĩ nhiên tác giả nào cũng gởi gắm tâm tư và tình cảm của mình vào tác phẩm nhưng một khi tác phẩm đã được chấp nhận, những tâm tư và tình cảm ấy không còn là của tác giả nữa. Trong nghệ thuật

chính thống không có sự hiện hữu của cái gọi là cộng sản hay quốc gia. Sức truyền cảm và lực rung động của tác phẩm diễn ra theo quy luật độc lập, ngoài ảnh hưởng của tác giả.

Kể từ ngày tác phẩm nghệ thuật "Tiếng Gọi Thanh Niên" ra đời nó đã bắt gặp những con người thưởng thức nó và từ đó mối quan hệ giữa con người và tác phẩm bắt đầu. Đó là sự trao đổi qua lại giữa con người đích thực và tác phẩm nghệ thuật. Đó là cuộc sống thiêng liêng chung giữa con người và tác phẩm. Mọi giá trị khác biệt của nghệ thuật cũng được sản sinh trong "quá trình sống" đó và hiển nhiên không đan dính gì với cộng sản hay quốc gia cả. Lập luận như vậy là để biện minh rằng sự gặp gỡ giữa con người và tác phẩm nghệ thuật tạo ra chỗ đứng của tác phẩm trong cộng đồng, chỗ đứng không tùy thuộc lý lịch của tác giả.

Điều phi văn hóa thứ hai là người ta tự cho phép mình thay đổi sự thiêng liêng ràng buộc giữa con người và nghệ thuật.

Trong quá trình tiếp xúc giữa nghệ thuật và con người nhiều quan hệ và giá trị chủ quan được hình thành, trong đó giá trị biểu tượng là giá trị cao nhất. Biểu tượng là kết tinh của quá trình giao lưu đó. Nó có thể được hình dung như sự cô đọng của nhiều rung cảm, ước mơ, ký thác. Biểu tượng là một cái gì đó, thoát ra khỏi chủ quan để tồn tại như một chủ thể độc lập. Như vậy biểu tượng chính là nghệ thuật ở điểm cao nhất và hoàn thành nhất. Và cũng chính vì vậy mà không thể có vấn đề biểu quyết để xóa bỏ một biểu tượng và thay thế bằng một biểu tượng khác. Dành rằng bài "Tiếng Gọi Thanh Niên" đã do một thế lực chánh trị nào đó quyết định lấy làm một biểu tượng chánh trị nhưng một khi trở thành quốc ca trong một thời gian dài của một nửa dân tộc Việt Nam, nó không còn là của một thế lực chánh trị nào nữa. Không một thế lực chánh trị nào có thể được coi là chủ nhân của những hình thành trong quá trình lịch sử. Biểu tượng vẫn tồn tại một cách độc lập khi mà thế lực chánh trị khai sinh ra nó đã bị đảo thải. Nó cũng tồn tại khi mà một thế lực khác phủ báng nó một cách thậm tệ.

Bài "Tiếng Gọi Thanh Niên" đã mang một phần sự sống của hàng triệu người trong một giai đoạn lịch sử đầy biến cố. Vì vậy nó vừa là biểu tượng của một sức sống, vừa là biểu tượng của một giai đoạn lịch sử, lại vừa là ký thác của ít nhất một nửa dân tộc. Xét lại biểu tượng đó, truy nguyên tác giả của biểu tượng đó, xuất phát từ một căn bệnh thần kinh khủng hoảng, một trình độ chậm tiến về nhận thức, một thái độ xét cho cùng rất vi phạm nhân quyền.

Trong khi đó, đáng lẽ chúng ta phải dồn mọi cố gắng vào việc khai thông nhận thức, tiêu hóa lịch sử và mở ra những con đường mới.

XUÂN TÀN ÁC

Đình Vĩnh Phúc

Tháng 9 năm 1974, bộ tham mưu Bắc Việt, theo Văn Tiến Dũng, đã có sẵn trong tay hai yếu tố căn bản: bộ đội của họ được trang bị tối đa, so sánh với 1972 và so sánh với quân cộng hòa; họ không cần đặt vấn đề can thiệp của Mỹ vì chính phủ nước này đã mất hết chủ động. Trên cả ba lãnh vực quân sự, chính trị và tâm lý, họ nắm vững tình thế. Tuy nhiên chiến dịch thôn tính miền Nam không được quan niệm như một cuộc tổng tấn công chớp nhoáng, mà sẽ được thực hiện từng giai đoạn. Sau này họ mới thay đổi nhịp tiến theo sự sụp đổ mau lẹ bất ngờ của đối phương.

Đầu tháng giêng 1975, Phước Long mất. Ở Sài Gòn người ta ngỡ ngàng về thái độ thụ động của Mỹ. Ở Hoa Thịnh Đốn người ta nghi vấn về dụng ý của Bắc Việt. Kể từ đó cho đến mấy tháng sau, trở đi trở lại chỉ có hai câu hỏi, đều không bao giờ được trả lời dứt khoát, và chỉ mình nó cũng đủ làm loạn óc giới chính khách, đưa họ thẳng đến thất bại. Mỹ sẽ can thiệp hay không? Bắc Việt có ngừng tấn công hay không? Bao lâu một trong hai câu hỏi đó còn lẩn quẩn trong đầu óc, con người không thoát được sự nhầm lẫn. Mà chúng lẩn quẩn mãi vậy.

Trong cuốn Cruel Avril (479 trang, nhà xuất bản Robert Laffont), Olivier Todd nhấn mạnh đến chiến dịch tuyên truyền của Hà Nội. Một đảng họ dồn mọi lực lượng về miền Sài Gòn, trong khi đang thắng ở Cao nguyên và miền Trung, một đảng họ nói đến giải pháp chính trị, đến nhân nhượng cần thiết, đến chương trình thống nhất trong năm hay mười năm. Kết quả là không những Jean Marie Mérillon (đại sứ Pháp), Dương Văn Minh, mà cả Nguyễn Văn Thiệu cũng tin là sẽ có một Việt Nam ba chính thể, như ba vạch đỏ. Trong dân chúng huyền thoại đó cũng được phổ biến, việc bảo vệ miền Trung mất hết ý nghĩa.

Dựa vào tài liệu, nhân chứng và kinh nghiệm phóng viên, Olivier Todd thuật lại diễn tiến một cách rất hấp dẫn. Xuất hiện trên sân khấu những ông tổng thống, bộ trưởng, những ông ngoại giao, chuyên viên, tướng tá, mỗi người một lập luận, không ăn nhập với nhau, và cũng không ảnh hưởng tích cực gì. Henry Kissinger không đồng

ý với James Schlessinger, Nguyễn Văn Thiệu mâu thuẫn với Ngô Quang Trưởng, còn nói chi đến mấy ông tướng cứ lăm le lên lấy chính quyền, mấy ông chính khách còn bận tâm cải tổ nội các, và cái thế giới lạ lùng của mấy ông dân biểu tiếp tục tranh luận khi nước đã đến chân.

Tuy nhiên Olivier Todd chưa làm nổi bật lên sự khác biệt giữa tháng ba và tháng tư.

Tháng ba mới thực là tàn ác. Chỉ trong vài tuần lễ thôi mà bao người bị chết, mất tích, bao nhiêu binh sĩ bị bỏ rơi, đầu hàng. Paul Seitz trong cuốn Le Temps Des Chiens Muets, Nguyễn Vũ trong cuốn Xuân Buồn Thảm đã tả cái cảnh rừng rợn, cái khốn khổ không có tiếng nói, và tất cả sự uất hận của người dân và người lính bị phản bội. Vừa được tin biến, Paul Seitz vội trở về Kontum, Nguyễn Kim Điền vội trở về Huế, Phạm Ngọc Chi lấy quyết định ở lại Đà Nẵng. Tại Biên Hòa dân vệ cầm cự với xe tăng. Không phải ai cũng nao núng, hoảng sợ.

Cũng chính trong tháng ba, trách nhiệm của các tướng mới là quyết định. Các ông không những bất lực trong việc bảo vệ đất đai và lực lượng quân đội, các ông đó còn làm tiêu tán ý chí tranh đấu, dẫu rằng trong tháng tư quân cộng hòa còn giữ được ít khí phách ở Xuân Lộc. Số phận của Sài Gòn thật ra đã được định đoạt ở Đà Nẵng rồi.

Vào tháng tư, trái lại, vấn đề quân sự không còn tính cách ưu tiên nữa, bởi vì tình thế đã ngã ngũ, tuy các giới thẩm quyền không muốn hay không dám nhìn nhận. Nếu hoãn binh được thì hay, bằng không thì ít nữa cứu kinh thành khỏi bị tàn phá. Dĩ nhiên tại chỗ, với cuộc viếng thăm của tướng Frederic Weyand, một vài ảo tưởng được nuôi nấng, nhưng thực ra mọi sự đã muộn rồi, chỉ còn lại vấn đề hồi hương của người Mỹ, sự ra đi của người Việt, trong đó có ông tổng thống. Một cảnh ngộ rất đau thương, điều đó chắc chắn, nhưng bớt tính cách máu lửa điên rồ của tháng trước.

Tác giả của những cuốn Les Canards De Ca Mau và L'Année Du Crabe đã có dịp suy nghĩ về trách nhiệm của người cầm bút. Cuốn Cruel Avril cũng mang cùng một tâm sự với những tác phẩm trước. Có một thời để hăng say và hành động, rồi một thời để hối hận và ăn năn. Chẳng có gì là lạ, ở cõi đời này, sai lầm là cơm bữa. Vấn đề là khi đã nhận thức được sự sai lầm của mình thì phải có can đảm để rút ra những kết luận cần có. Còn cơ hội để thể hiện sự đòi hỏi của lương tâm thì không thiếu. Việt Nam sẽ còn là đề tài cho những sáng tác sau, tôi chắc vậy. *

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ

Phát giác thái độ bán nước trắng trợn của tập đoàn lãnh đạo CSVN

Ngày 25-04-88, Đinh Nho Liêm, thứ trưởng thứ nhất bộ ngoại giao chính quyền Hà Nội kiêm phó trưởng ban đối ngoại ban chấp hành trung ương đảng CSVN, đã công bố văn kiện về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Văn kiện gồm hai phần.

Phần thứ nhất nhằm chứng tỏ chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này. Đảng Cộng Sản dùng lại lập luận của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, theo đó chủ quyền của Việt Nam đã được ba hội nghị quốc tế xác nhận: hội nghị Ai Cập 1943 (trong đó có cả Trung Hoa tham dự), hội nghị Postdam 1945 và hội nghị San Francisco 1951. Nên nhắc lại, vào tháng 01-1974, khi Trung Cộng đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa, Hà Nội đã tự coi mình như người ngoài cuộc.

Phần thứ hai mới đáng để ta chú ý.

Trung quốc viện dẫn chính lời của chính quyền Hà Nội, cho biết Hà Nội đã ba lần tuyên bố Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc vào những năm 1956, 1958 và 1965 (lúc này "bác Hồ vĩ đại" vẫn còn sống).

Văn kiện của Hà Nội xác nhận quả thực chính quyền Hà Nội đã ba lần tuyên bố như vậy, nhưng biện bạch như sau:

"Cần phải xem xét ba lần tuyên bố này trong khung cảnh tình hình từ 1956 đến 1965, Việt Nam cần tranh thủ kéo Trung Quốc gắn chặt với cuộc chiến đấu của mình... Việt Nam tin cậy Trung Quốc, cho rằng sau chiến tranh vấn đề lãnh thổ giữa hai nước sẽ được giải quyết."

Như vậy đã phơi ra ánh sáng hành động dằng dặt cầu viện để đánh miền Nam. "Chống Mỹ cứu nước" hay là chống Mỹ bán nước?

Cần phải nhấn mạnh là vào những năm trước 1965, vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này hoàn toàn không bị tranh cãi. Ngay cả khi đảng CSVN tự ý dâng hai quần đảo này cho Trung Quốc, Trung Quốc cũng không có phản ứng gì. Mãi cho tới năm 1974, khi phát giác ra khả năng có dầu lửa trong biển đông, Trung Quốc mới dựa vào những lời tuyên bố của Hà Nội để lấy cớ đánh chiếm.

Lời biện bạch vớ vẩn của "văn kiện" của đảng CSVN theo đó "Việt Nam tin cậy Trung Quốc cho rằng sau chiến tranh vấn đề lãnh thổ giữa hai nước sẽ được giải quyết" nghe thật trơ trẽn. "Giải quyết" là thế nào? Nếu Bác Hồ tin thực sự là Trung Quốc sẽ trả lại hai quần đảo này cho Việt Nam thì quả thực bác Hồ quá khờ khạo.

Đói kém trầm trọng và không có giải đáp

Trong cơn khủng hoảng kinh tế chưa từng có kể từ nạn đói tháng ba năm Ất Dậu (1945), đồng bào trong nước đang chịu cảnh đói khổ cùng cực.

Kể từ tháng 03-1988, gần như tất cả công nhân viên miền Nam đã được tăng gấp đôi lương bổng và phụ cấp. Một kỹ sư canh nông trước đây lãnh 5000đ một tháng hiện lãnh tổng cộng lương và phụ cấp 10000đ. Tuy vậy đời sống đã suy sụp trầm trọng vì vật giá đã tăng trung bình 400% kể từ đầu năm.

Giá gạo hiện nay là 600đ/ký tại Sài Gòn và 1000 tại Hà Nội. Thịt heo 3200đ/ký tại Sài Gòn và 3000 tại Hà Nội. Cá biển 1500đ/ký, trứng 200đ một quả. Vàng 2 triệu đồng một lượng tại Sài Gòn. Đô la Mỹ được đổi một cách dễ dàng lấy 1800đ Việt Nam.

Sự đói khổ không còn chừa một ai. Nhưng đồng bào miền Bắc còn chịu đau khổ hơn nhiều. Vật giá tại miền Bắc trước đây thấp hơn miền Nam 10% (lương bổng tại miền Bắc cũng thấp hơn miền Nam khoảng 10%) ngày nay đã cao hơn miền Nam. Gạo là thực phẩm cơ bản đã đắt hơn miền Nam 50%. Lương bổng lại không được tăng như ở miền Nam. Lương và phụ cấp của một giáo sư cấp 2 tại Hà Nội chỉ được 4000đ một tháng, tương đương với 4 ký gạo.

Trong một lá thư nhận được từ Hà Nội, một kỹ sư viết: "Sự đói kém kinh khủng hiện nay đã biến sự chống đối thành công khai, bất chấp mọi đe dọa. Công an cũng không còn sức lực và ý chí để đàn áp nữa. Mọi người đều sẵn sàng hưởng ứng một cuộc cách mạng, dù là có đổ máu. Chúng tôi sẵn sàng chấp nhận mọi hậu quả. Nhưng chúng tôi lại quá đói để còn sức mà nổi dậy."

Đồng bào vượt biển được vào đất liền Thái Lan

Chính quyền Thái Lan đã ký một thỏa ước với Cao Ủy Tị Nạn LHQ ngày 20-04-88 chấp nhận cho đồng bào vượt biển lên đất liền trong một trại tị nạn gần biên giới Cam-Bốt, nhưng sẽ không được quyền xin đi một nước thứ ba. Thỏa ước này được ký kết sau khi có áp lực từ dư luận quốc tế cũng như phản ứng mạnh mẽ của cộng đồng người Việt tị nạn ở hải ngoại chống việc Thái Lan kéo tàu vượt biển ra khơi, làm hàng trăm người thiệt mạng.

Ký thỏa ước là một chuyện, còn thỏa ước này

THỜI SỰ... TUYÊN TỨC... THỜI SỰ

máy tư pháp sẽ được tăng cường, luật lệ sẽ được tôn trọng hơn trong tương lai. Một số quyền tự do từ lâu vẫn bị chà đạp được Gorbatchev nhắc đến như là tối cần thiết: cấm bắt người trái phép, cấm xâm nhập gia cư, cấm kiểm duyệt thư tín và nghe lén điện thoại.

Không biết Gorbatchev sẽ đi đến đâu trong chính sách canh tân của ông, nhưng chắc chắn là ông muốn có được nhiều quyền hành để tự do hành động. Gorbatchev nhắc lại "những nguyên tắc cơ bản của Lénine". Nhưng Lénine nói đủ thứ, và nói những điều rất mâu thuẫn với nhau. ai muốn giải thích Lénine thế nào cũng được. Nói rằng cần phải rút tĩa những bài học của Lénine chẳng khác gì nói rằng mình muốn được toàn quyền hành động.

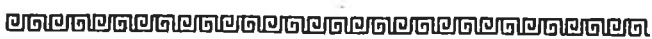
Tướng cũng nên nhắc lại rằng ngày 09-05, 14 người đã bị bắt vì muốn sử dụng những quyền tự do công dân mà Gorbatchev thường nói tới. Họ thành lập một tổ chức lấy tên là "Liên Hiệp Dân Chủ" và cho lưu hành một tờ báo in tay lấy tên là Glasnost, nghĩa là tên của chính sách mà Gorbatchev đề xướng.



Ba Lan: hạ hời phân giải

Ngày 08-05, sau khi nhà máy luyện kim Nowa Huta bị công an tràn ngập, đến lượt cuộc chiếm đóng xí nghiệp đóng tàu tại Gdansk tự chấm dứt. Một ngàn người cuối cùng, trong đó có cả lãnh tụ Lech Walesa đã bỏ ra về.

Tuy nhiên công nhân Ba Lan không phải là đã thất bại. Họ đã buộc chính phủ Jaruzelski phải tăng lương công nhân và trả tự do cho những người bị bắt giữ. Để tránh cho cuộc đấu tranh khỏi lan rộng và đạt tới mức độ của tám năm về trước, tướng Jaruzelski đã phải xoa dịu công nhân khắp nơi bằng các biện pháp tăng lương bổng và phụ cấp. Đó là thất bại rất trầm trọng của đảng Cộng Sản Ba Lan bởi vì một cách gián tiếp, họ đã phá vỡ hoàn chỉnh sách thất lưng buộc bụng mà chính quyền cộng sản Ba Lan đảng nào cũng phải áp dụng nếu muốn tránh sự sụp đổ. Và càng trì hoãn thì tình thế càng khó khăn hơn.



Duyên Anh bị hành hung nặng

Ngày 30-04-88, tại khu Việt Nam ở Orange County, nhà văn Duyên Anh vừa mới ở một tiệm ăn đi ra thì bị bốn kẻ lạ mặt áp lại đánh đập tàn nhẫn làm cho ông hôn mê bất tỉnh. Thi hành xong thủ đoạn dè hèn, bọn hung thủ đã tẩu thoát. Duyên Anh có thể bị tê liệt một phần thân thể vì vết thương trên đầu quá nặng.

Duyên Anh có quá nhiều ân oán giang hồ với những cá nhân và những đoàn thể nên khó biết được ai đứng sau lưng vụ này.

Có những người cáo buộc ông đã làm ăng-ten cho công an cộng sản trong thời gian bị giam cầm, gây đau khổ cho nhiều người. Có những người căm thù Duyên Anh vì những bài viết đầy tính cách mạ lỵ và lời lẽ xác xược. Cũng có những người ghét Duyên Anh vì lối phát ngôn bừa bãi của ông lúc đã uống rượu.

Dù sao, ưa hay ghét là quyền của mỗi người, còn hành động hành hung thì không thể chấp nhận và cần phải lên án gắt gao.



Cộng sản tiếp tục chống phong thánh

Giữa lúc nhân dân đang đói khổ một cách kinh khủng, chính quyền cộng sản vẫn rất bận tâm chống lại việc phong thánh cho 117 vị chân phước tử đạo Việt Nam vào ngày 19-6 tới đây. Tất cả các báo chí trong nước và các đài phát thanh đều truyền đi bài của ông Nguyễn Văn Châu, tự xưng là linh mục, phản đối việc phong thánh. Ông Châu nêu ba lý do chính:

1. Việc phong thánh quá hấp tấp, không được xét kỹ. Về điểm này nên nhớ là đối với các chức sắc công giáo, thủ tục phong thánh đã quá lâu. Tại các nước khác, có người mới chết đầu thế kỷ 20 đã được phong thánh.

2. Ban tổ chức phong thánh toàn người Việt hải ngoại, không có người trong nước. Về điểm này không biết ông Châu có ý thức rằng chính quyền đã chống lại việc phong thánh ngay từ đầu và cấm đoán tất cả mọi hành động hỗ trợ cho việc phong thánh hay không? Như vậy làm sao có người trong nước qua được Roma để tham gia ban tổ chức?

3. Phong thánh nhằm ngày 19 tháng 6 là "Ngày quân lực Việt Nam Cộng Hòa". Về điểm này xin dành quyền phê phán cho độc giả.



Tin ngắn trong nước

* **Hà Nội tuyên bố rút 50.000 quân khỏi Cam-Bốt** từ giờ tới cuối năm, và số quân còn lại sẽ dời xa biên giới Thái Lan Cam-Bốt 30 km và đặt dưới quyền chỉ huy tối cao của quân đội khmer. Trong một cuộc họp báo tại Hà Nội ngày 26-05, Trần Quang Cơ thứ trưởng ngoại giao Hà Nội cũng cho biết là hiện có 90.000 bộ đội đóng ở Cam-Bốt, trong khi con số ước lượng bởi tây phương là 120.000. Lời tuyên bố đưa ra ngay

TUẦN TỨC, THỜI SỰ, TUẦN TỨC



trước kỳ họp các ngoại trưởng các nước không liên kết, với đề tài thảo luận là tìm một giải pháp cho vấn đề Cam-Bốt. Ngoài ra nguồn tin ngoại giao tây phương từ Bangkok cũng cho hay là Hà Nội đã rút phân nửa số bộ đội đóng tại Lào.

*** Tiếp tục phong trào đề kháng thụ động,** kể từ đầu năm 1988 đã có trên 10.000 giáo chức (phần đông là tại miền nam) xin thôi việc. Hiện tượng bắt đầu lan tràn qua ngành y tế. Từ đầu năm 1988, riêng tại Sài Gòn đã có 500 y tá và điều dưỡng viên xin thôi việc. Trong cả năm 1987 chỉ có 198 người xin thôi việc. Tất cả những người này chỉ đưa đơn và tự ý bỏ việc ngay lập tức. Để giải thích hiện tượng trên, báo Sài Gòn Giải Phóng số 3976 ra ngày 24-04-88 có đăng bài "Về chính sách đối với con người" trong đó tác giả quy trách cho vật giá leo thang, vì lương và phụ cấp chỉ đủ sống trong một tuần lễ cho một mình người công nhân viên mà thôi.

*** Xí nghiệp điển hình tiên tiến.** Một điều nghiên khá đầy đủ cho biết tình hình một xí nghiệp mẫu, Nhà Máy Chế Tạo Phụ Tùng Máy Nổ Tân Bình như sau:

- Ít nhất hai phần ba công nhân viên sinh sống bằng một nghề phụ ngoài xí nghiệp, chỉ có mặt lấy lệ.

- Những người này thuộc đủ mọi cấp bậc: thư ký, thợ máy, kỹ sư, trưởng phòng.

- Công việc họ làm thuộc đủ loại, miễn sao kiếm được tiền: có người bán kem, có người buôn đồ phụ tùng xe đạp, có người "chạy" thuốc tây, có người làm ô-tô xa tê, có người làm nghề dạy chó béc-giê, thậm chí có người làm cả nghề thầy cúng.

*** Ngày 28-04-88, sở ngoại vụ Sài Gòn** đã trao cho chính phủ Hoa Kỳ toàn bộ danh sách những người được nhà đương cuộc Việt Nam cấp thông hành đi Mỹ trong khoảng thời gian từ tháng 5-84 đến tháng 5-85. Nghĩa là ba năm trước có quyết định, ba năm sau mới thông báo. Xin nhắc lại là có nhiều người xin đi chữa bệnh đến khi được giấy phép ra đi thì đã chết và đã mãn tang.

*** Học giả Đào Duy Anh đã từ trần tại Hà Nội.** Lễ tang của cụ được tổ chức trọng thể tại Hà Nội ngày 8-4-88. Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đã đến dự đám tang, Trường Chinh và Võ Chí Công gửi hoa viếng. Cụ Đào Duy Anh là một học giả lớn của Việt Nam. Mặc dầu đứng về phía cộng sản, cụ không tỏ ra một cử chỉ, hành

động giáo điều quá khích nào, và cũng không chấp nhận một chức vụ chánh trị nào.

*** Một số lượng đáng lo ngại trâu kéo cày bị chết** tại các tỉnh miền Bắc vì lạnh và thiếu dinh dưỡng. Trong hai tháng 2 và 3 vừa qua, tổng số trâu chết có thể lên tới trên 10.000 con. Cứ mỗi con trâu có sức kéo bằng ít nhất 10 người. Như vậy lại có thêm ít nhất 100.000 phải làm cái việc của con trâu.

*** Vụ án các văn nghệ sĩ tại Sài Gòn** đã kết thúc ngày 27-4-88 với những hình phạt nặng nề, dưới tội danh "chống phá cách mạng". Theo nguồn tin của AFP, phát ngôn viên bộ ngoại giao Hà Nội xác nhận rằng Tòa án nhân dân thành phố HCM đã tuyên phạt các nhà văn Doãn Quốc Sỹ 9 năm tù, Hoàng Hải Thủy 8 năm tù, Nguyễn Thị Phước Lý tức Lý Thụy Y 6 năm tù, Trần Ngọc Tự 4 năm tù và ca sĩ Khuất Duy Trác 4 năm tù. Bà Nguyễn Thị Nhan, nhân viên bưu điện Sài Gòn cũng bị phạt 6 năm tù vì đã giúp đỡ các nhà văn Việt Nam liên lạc với hải ngoại.

Văn Bút VNHN cũng như luật sư Mario Stasi, cựu thủ lĩnh luật sư đoàn tòa thượng thẩm Paris đã lên tiếng nhận định rằng việc gửi tác phẩm ra phổ biến ở hải ngoại, nếu có trách cứ thì cũng chỉ là một tội phạm về báo chí. Ông cũng lên tiếng yêu cầu nhà cầm quyền Hà nội cho ông được quyền bào chữa cho các văn nghệ sĩ nói trên nếu vụ án của họ được phúc thẩm (xét lại). Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền (Fédération Internationale des droits de l'homme) cũng yêu cầu Hà Nội cho quan sát viên của Liên đoàn tới theo dõi vụ xử.

*** Giáo sư Bùi Tường Huân,** cựu khoa trưởng đại học Luật và Kinh Doanh Huế vừa từ trần tại Sài Gòn ngày 04-05-88, vì bệnh lao, thọ 64 tuổi.

Ông Huân đậu tiến sĩ chính trị học tại Paris. Sau khi ông Diệm bị lật, ông Huân xuất hiện như một nhân sĩ Phật giáo, và tham gia chính phủ Nguyễn Khánh với chức vụ tổng trưởng giáo dục năm 1964. Sau đó ông tiếp tục liên hệ với nhóm Phật giáo Ân Quang. Ngày 29-04-75, ông Huân tham gia vào chính phủ Dương Văn Minh - Vũ Văn Mẫu, làm phó thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng. Chính phủ này chỉ sống được 17 giờ.

Làm tổng trưởng 17 giờ trong một chính phủ chủ trương thỏa hiệp với cộng sản, ông Huân đã bị cộng sản bỏ tù 4 năm, ông bị mắc bệnh lao trong thời gian ở tù.



Sở Tây

Vay mượn của người

Tôi đã sống những ngày thơ ấu ở Hà Nội. Đối với tôi hai chữ Hà Nội ấp ủ nhiều ý nghĩa: vừa thân yêu vừa thơ mộng. Vả chắc ai cũng chủ quan như tôi khi nghĩ về miền đất thương yêu rất mực của mình. Những ngày còn nhỏ, đầu óc thơ ngây của tôi vẫn tự hỏi không biết danh nhân nào của đất nước đã đặt tên cho Hà Nội và lấy ở đâu ra hai chữ độc đáo ấy?

Rồi một hôm, không nhớ ở tuổi nào tôi đọc Tam Quốc Chí lần đầu tiên, tình cờ nhìn thấy địa danh Hà Nội trên bản đồ nước Tàu từ thời Tam Quốc. Mà không phải chỉ có Hà Nội, cả Hà Đông, Hà Nam... cũng đều có cả, có trước rồi.

Từ đó tôi oán nhà Nguyễn đã bỏ tên thành Thăng Long của vua Lý Thái Tổ để mượn một cái tên đã có sẵn của người Tàu. Càng lớn, tôi lại càng biết thêm nhiều sự vay mượn khác nữa. Đang tuổi trẻ, tuổi mà ai cũng ít nhiều tự cao tự đại về mình, về nguồn gốc giống nòi của mình, tôi lấy những sự bất chước ấy làm hổ thẹn.

Thời gian qua đi, tuổi đời giúp tôi trở nên "đằm" hơn và nghĩ lại những sự vay mượn đó chưa chắc đã hoàn toàn dở cả. Tiền nhân có lý lắm. Nguyễn Du "mượn" một truyện tâm thường như Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân để viết nên tuyệt tác Đoạn Trường Tân Thanh, chẳng bỏ làm ru?

Phan Huy Vịnh "mượn" tuyệt tác Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị để dịch ra một tuyệt tác thứ nhì.

Nếu Xuân Diệu không mượn một chút ảnh hưởng của Rimbaud, Verlaine chắc đâu ta có được những câu thơ nồng say tha thiết:

*"Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chầm ở trong hồn hiu quạnh"*

Vậy nên học cái hay của người đã là một nghệ thuật, mà học cái hay của người để biến thành cái tuyệt tác của mình lại còn vượt lên trên cả nghệ thuật nữa.

Nói chuyện người xưa không khỏi nghĩ đến chuyện ngày nay. Ở xứ văn minh tân tiến này còn nhiều việc phải học lắm. Người mình hầu như ai cũng có một chút tự ti mặc cảm về cái "chậm tiến" của nước mình. Ra ngoại quốc là một dịp để học. Học thật nhanh chóng, cố bắt cho được cái đà tân tiến của người. Học cả từ lối viết tên học đi.

Lần đầu tiên nhận được thư của những Dương Nguyễn Trưng, Dương Phạm Hải v.v.. tôi cứ đó người ra: "Trời đất! mình đâu có quen ai tên tuổi kỳ cục thế này?". Ngờ mặt mãi rồi tôi cũng sáng

mắt ra. Cái sáng mắt của tôi nó nhỏ mọn tầm thường lắm. Chẳng phải là khám phá ra chân lý như nhà văn Bình Nguyên Lộc viết truyện một đời mới khám phá ra rằng truyện ngắn, truyện dài nó khác xa nhau, chỉ chung nhau có một chữ "truyện". Tôi sáng mắt vì hiểu được: à ra viết tên kiểu Âu Mỹ như vậy cho khỏi lạc thư. Hiểu rồi nhưng tôi vẫn ngoan cố, khi trả lời cứ giả tảng viết bừa Nguyễn Trưng Dương, Phạm Hải Dương... xem sao. Chẳng thư nào bị mất cả. Hóa ra người Tây phương cũng không kém thông minh hơn người mình bao nhiêu.

Mà ngược lại, giả sử trên đài truyền hình có anh nhà báo nào tự nhiên đồ đốn, đồ giọng nói Diệm Ngô Đình, Minh Hồ Chí thì chắc không những chỉ người Việt mình há hốc miệng ra mà cả đến Tây, Mỹ cũng đờ ra chẳng hiểu "hần" muốn nói ai.

Chỉ ăn hận cho các cụ khi đặt tên con, vị chút ân tình với bốn nghìn năm văn hiến, đã ra công tra cứu, sắp bộ nọ với bộ kia, tìm tên chữ, tên có ý nghĩa để đến bây giờ thành...thế. Nếu các cụ lo xa một chút, chọn những tên như Huỳnh Ngọc Lê, Nguyễn Văn Ngô vừa nhanh vừa đỡ tốn công, lúc cần đảo lộn ngược xuôi... thế nào cũng vẫn ra tên người Việt. Lại tiện việc cho Tây cho Mỹ.

Thụy Khuê

THÔNG LUẬN Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:
THÔNG LUẬN, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo cho một năm 11 số: Âu Châu 100 FF
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc
Báo chỉ phân phối theo đường bưu điện

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Quý vị ở ngoài nước Pháp nên gửi thẳng bằng tiền bản xứ và dùng thẳng chi phiếu của quý vị (personal check) là tiện nhất cho chúng tôi, còn money order thì chúng tôi mất huê hồng rất nặng.

Thông luận
hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó